

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán, như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán quy định tại

Thông tư này áp dụng đối với việc bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán (sau đây gọi chung là phí bán đấu giá chứng khoán) tại Sở giao dịch Chứng khoán và các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng nộp phí bán đấu giá chứng khoán là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có cổ phần và các loại chứng khoán được bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị được thu phí bán đấu giá chứng khoán, bao gồm: Sở Giao dịch chứng khoán và các tổ chức được phép bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí bán đấu giá chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần/mỗi loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán.

Giá trị cổ phần, chứng khoán bán được dùng để tính mức thu phí cho một cuộc đấu giá bao gồm cả giá trị bán được qua phương thức thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá (trong trường hợp bán thỏa thuận tiếp số cổ phần, chứng khoán không bán hết từ cuộc đấu giá).

2. Mức thu phí bán đấu giá chứng khoán áp dụng tại các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần theo quy định của pháp luật do các bên tự thỏa thuận nhưng mức thu không vượt quá 0,3% trên tổng giá trị cổ phần và các loại chứng khoán thực tế bán được.

3. Mức thu phí bán đấu giá chứng khoán tối thiểu áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định là 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán.

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Phí bán đấu giá chứng khoán được thu bằng Đồng Việt Nam. Đối tượng nộp phí quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này có trách nhiệm nộp toàn bộ phí bán đấu giá chứng khoán theo quy định cho Sở Giao dịch chứng khoán và các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá chứng khoán sau khi hoàn tất đợt bán đấu giá.

2. Phí bán đấu giá chứng khoán thu được là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~01~~ tháng 4 năm 2014. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng, công khai chế độ thu phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về việc in, phát hành và sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. / *bu*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (P5). *130 ban*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

